

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09/3/2020
V/v: Ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ.**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Ngọc Hà

2. Ông Phùng Minh Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp ly hôn và con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị K, Sinh năm 1997

Bị đơn: Anh Lê Văn T, Sinh năm 1992

Đều ĐKNKTT: Xóm N, xã Y L, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay của chị K: Xóm C, xã Y S, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Thành Công - Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Đinh Thị Hạnh - Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ.

(Chị K, anh T, ông Công, bà Hạnh đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị Lê Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị K và anh Lê Văn Th có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Y S, huyện Th S vào năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau thường nảy sinh cãi vã xung đột, hiện nay vợ chồng đã ly thân với nhau được gần 01 năm không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị K làm đơn xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Lê Thị K xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Bảo T, Sinh ngày 31/3/2014 và Lê Khải P, Sinh ngày 02/02/2016, hiện đang ở cùng anh T.

Quan điểm của chị K: Khi ly hôn chị K xin được nuôi cháu P và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị K làm công nhân điện tử tại Bắc Giang thu nhập hàng tháng từ 6.000.000đ đến 8.000.000đồng. Chị K đảm bảo được cuộc sống và sự phát triển bình thường của cháu P.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và tư trang riêng: Chị Lê Thị K khẳng định vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn, anh Lê Văn T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T xác nhận việc tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn, thời gian địa điểm đăng ký kết hôn như chị K trình bày là đúng. Anh T cũng xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau, hiện anh T và chị K đang sống ly thân. Nay chị K làm đơn xin ly hôn anh T cũng hoàn toàn nhất trí vì xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa nên ly hôn để giải phóng cho nhau và sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh Lê Văn T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Bảo T, Sinh ngày 31/3/2014 và Lê Khải P, Sinh ngày 02/02/2016, hiện đang ở cùng anh T.

Quan điểm của anh T: Khi ly hôn anh T xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh T làm thợ xây ở Hoài Đức, Hà Nội thu nhập hàng tháng từ 8.000.000đ đến 10.000.000đồng. Anh T đảm bảo được cuộc sống và sự phát triển bình thường của cả hai con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và tư trang riêng: Anh Lê Văn T khẳng định vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Lã Thành Công – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị K và anh Lê Văn T.

Về con chung: Chị Lê Thị K và anh Lê Văn T có 2 con chung, khi ly hôn nguyện vọng của chị K xin được nuôi con chung là Lê Khải P, điều đó hoàn toàn hợp lý vì anh T có hoàn cảnh khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho nguyện vọng của chị K được nuôi cháu P là phù hợp pháp luật.

Về tài sản chung; công nợ cho vay và đi vay: Tại phiên tòa chị K xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn là bà Đinh Thị Hạnh - Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp thuận yêu cầu của hai bên đương sự chị Lê Thị K và anh Lê Văn T được ly hôn.

Về con chung: Chị Lê Thị K và anh Lê Văn T có 2 con chung, phía anh T xin được nuôi 2 con chung vì chị Lê Thị K thường xuyên vắng nhà, đi làm ăn xa, không đủ điều kiện để chăm sóc con mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận nguyện vọng của anh Lê Văn T được nuôi cả 2 con chung.

Về tài sản, nợ chung: Tại phiên tòa anh T xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K xử cho chị K được ly hôn anh T. Giao cho chị K được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Khải P; Giao cho anh T được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Thị Bảo T đến khi các con chung thành niên. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị K phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh Lê Văn T, đối chiếu với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Do vậy, xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị K và anh Lê Văn T có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Y S, huyện T S vào năm 2014. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng: Cả chị K và anh T đều xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc thường xuyên cãi vã, xung đột đánh chửi nhau, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân được một năm không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị K làm đơn xin ly hôn anh T. Anh T cũng nhất trí ly hôn để giải phóng cho nhau và sớm ổn định cuộc sống.

Như vậy có thể thấy đời sống chung vợ chồng giữa chị K và anh T thực tế không tồn tại, mâu thuẫn không có khả năng khắc phục, cả hai bên đều xác định không còn tình cảm và mong muốn được ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị K và anh T là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị K và anh Lê Văn T đều thống nhất xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Bảo T – Sinh ngày 31/3/2014 và Lê Khải P – Sinh ngày 02/02/2016, hiện đang ở cùng anh T.

Quan điểm của chị K: Khi ly hôn chị K xin được nuôi cháu P và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị K làm công nhân điện tử tại Bắc Giang thu nhập hàng tháng từ 6.000.000đ đến 8.000.000đồng. Chị K đảm bảo được cuộc sống và sự phát triển bình thường của cháu P.

Quan điểm của anh T: Khi ly hôn anh T xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh T làm thợ xây ở Hoài Đức, Hà Nội thu nhập hàng tháng từ 8 đến 10.000.000đồng. Anh T đảm bảo được cuộc sống và sự phát triển bình thường của cả hai con chung.

Xét về điều kiện chăm sóc và nuôi dạy con chung của hai bên đương sự thấy rằng:

Chị K và anh T có điều kiện ngang nhau trong việc chăm sóc nuôi dạy con chung, hai bên đương sự đều là lao động phổ thông, mức thu nhập là ngang nhau khoảng 200.000 đồng/ngày công. Chị K và anh T hiện đều đi làm ăn xa, vì vậy hai bên đều đưa ra phương án chăm sóc con chung là nhờ đến ông bà nội ngoại ở nhà trực tiếp chăm sóc còn chị K và anh T đi làm ăn để phụ giúp về kinh tế, khi có thời gian rảnh cũng đều cố gắng về thăm nhà, thăm các con. Điều này hoàn toàn phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Đối với chị Lê Thị K: Hiện nay gia đình chị K không thuộc diện hộ nghèo, đời sống kinh tế ổn định, bố mẹ chị K đều còn khỏe có sức lao động và có khả năng chăm lo cho các cháu. Mặt khác cháu Lê Khải P – Sinh ngày 02/2/2016, hiện nay cháu còn quá nhỏ, vẫn cần có sự chăm sóc của người mẹ, cháu Bảo Tr đã 6 tuổi có khả năng tự túc được trong các sinh hoạt thường ngày. Vì vậy, yêu cầu xin được nuôi cháu P của chị K là phù hợp cần được chấp nhận.

Đối với anh Lê Văn T: Hiện nay gia đình anh T thuộc diện hộ cận nghèo, bố đẻ anh T đang bị di chứng sau tai biến hạn chế công việc vận động cũng như lao động, anh T còn trình bày thêm là hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn

phải lo ăn từng bữa, vì vậy nếu giao cả hai con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sẽ rất vất vả, không những vậy còn ảnh hưởng đến đời sống và sự phát triển bình thường của các con chung. Anh T tha thiết xin được nuôi cả hai con chung và không đồng ý giao con cho chị K vì cho rằng khi ly thân chị K bỏ nhà đi không chăm sóc con. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay chị K cũng thể hiện rõ việc chị bỏ nhà đi làm ăn là do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể chung sống với nhau, khi đi chị K rất mong muốn được mang theo các con nhưng gia đình anh T không đồng ý nên chị không thể mang con theo được. Tuy nhiên quá trình ly thân chị vẫn đến thăm con và mua đồ dùng cần thiết cho các con. Do đó không có cơ sở để khẳng định chị K từ chối quyền nuôi con của mình.

Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy việc anh T đề nghị xin được nuôi cả hai con là không có căn cứ sẽ không đảm bảo được cuộc sống cũng như sự phát triển bình thường của các con chung. Để đảm bảo quyền lợi cho các con chung cần giao cho mỗi người nuôi một con, cần giao cho chị Lê Thị K được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Khải P – Sinh ngày 02/02/2016, giao cho anh Lê Văn T được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Thị Bảo T – Sinh ngày 31/3/2014 đến khi cháu P, cháu T thành niên là phù hợp với tình hình thực tế của cả hai bên và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chị K và anh T đều không yêu cầu, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung; nợ chung; tư trang riêng và công sức đóng góp: Chị K và anh T đều khẳng định không có nên HĐXX không xem xét.

[5] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị K phải nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị K và anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị K được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Khải P – Sinh ngày 02/02/2016, giao cho anh Lê Văn T được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Thị Bảo T – Sinh ngày 31/3/2014 đến khi cháu P, cháu T thành niên. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị K đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số **AA/2018/0001976 ngày 19/12/2019 của** Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện.
- Cơ quan THADS huyện.
- UBND xã Y L
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Cẩm Vân